

NHỮNG VẤN ĐỀ RÚT RA TỪ NGHIÊN CỨU TỔNG QUAN LÝ LUẬN VÀ THỰC TIỄN VỀ SẢN XUẤT NÔNG NGHIỆP TẬP TRUNG

Nguyễn Thị Thu Quỳnh*, Thái Thị Nhung**

Thực trạng nông nghiệp thế giới cho thấy sản xuất nông nghiệp truyền thống, chủ yếu dựa vào các mô hình nông trại gia đình, hiện nay không đáp ứng đủ cầu về các sản phẩm nông nghiệp ngày một gia tăng. Sản xuất nông nghiệp quy mô lớn hay sản xuất nông nghiệp tập trung được cho là xu thế tất yếu để tiến lên sản xuất hàng hóa lớn. Tuy nhiên, mỗi góc độ nghiên cứu khác nhau lại có một quan điểm, cách nhìn khác nhau về sản xuất nông nghiệp tập trung (SXNNTT). Nghiên cứu tổng quan này sẽ tổng hợp và khái quát các vấn đề về lý luận và thực tiễn của SXNNTT dưới các góc độ: (1) sự cần thiết của SXNNTT; (2) các quan điểm về SXNNTT; (3) thành tựu và hạn chế của các mô hình SXNNTT trên thế giới và ở Việt Nam; (4) các vấn đề rút ra cho việc áp dụng mô hình SXNNTT ở Việt Nam trong thời gian tới.

Từ khóa: nông trại gia đình, sản xuất, nông nghiệp, tập trung, quy mô lớn

1. Đặt vấn đề

Đối với hầu hết các quốc gia, vùng lãnh thổ trên thế giới, nông nghiệp vẫn luôn đóng vai trò là một ngành sản xuất quan trọng và thiết yếu. Tuy nhiên, giá trị mà ngành này mang lại còn chưa tương xứng với tiềm năng (Marsh S.P., T.G. MauAulay và Phạm Văn Hùng, 2007, Cardín, M.; Álvarez, C.J., 2008, Oleksandr V. Zhemoyda and Nataliia Gerasymenko, 2009, UN, 2009). Đã có nhiều nghiên cứu về lý luận cũng như thực tiễn về phát triển nền nông nghiệp hiện đại ở trên thế giới và Việt Nam. Đa số tác giả đề xuất cần phải chuyển đổi nền nông nghiệp từ sản xuất manh mún, nhỏ lẻ sang phát triển một nền nông nghiệp tập trung với quy mô lớn (UN, 2009, Yuan Zhou, 2010, Sassenrth, G. F và đồng sự, 2010). Mặc dù vậy, vẫn còn nhiều quan điểm khác nhau xung quanh các vấn đề lý luận và thực tiễn trong triển khai mô hình ở thực tế các nước (Yuan Zhou, 2010).

Nghiên cứu tổng quan này mang tính tổng hợp và nhiều chiều về vấn đề lý luận và thực tiễn của SXNNTT dưới các góc độ: (1) sự cần thiết của SXNNTT; (2) các quan điểm về SXNNTT; (3) thành tựu và hạn chế của các mô hình SXNNTT trên thế giới và ở Việt Nam; (4) các vấn đề rút ra cho việc áp dụng mô hình SXNNTT ở Việt Nam trong thời gian tới.

2. Phương pháp nghiên cứu

Phương pháp tổng quan tài liệu (cả trong và ngoài nước) được áp dụng nhằm đưa ra cái nhìn tổng hợp về các vấn đề từ lý luận đến thực tiễn, từ cái chung đến các phạm trù cụ thể về SXNNTT. Bên cạnh đó, phương pháp so sánh được vận dụng nhằm so sánh các cách tiếp cận nhiều chiều về các vấn đề liên quan, so sánh giữa các thành tựu và hạn chế trong thực tế sản xuất nông nghiệp ở trên thế giới và Việt Nam.

3. Kết quả nghiên cứu và thảo luận

3.1. Một số vấn đề về lý luận của sản xuất nông nghiệp tập trung

3.1.1. Sự cần thiết của sản xuất nông nghiệp tập trung

Các chuyên gia kinh tế thế giới đều chỉ ra rằng nền nông nghiệp cần có sự đổi mới theo hướng bền vững để đáp ứng nhu cầu về lương thực cho dân số thế giới ngày càng gia tăng (tiến tới vượt quá ngưỡng 9 tỷ người vào năm 2050 (UN, 2009) cũng như nhu cầu về nguyên vật liệu cho sản xuất các ngành khác trong điều kiện các nguồn lực ngày càng hạn hẹp và xuống cấp (Yuan Zhou, 2010).

Mặt khác, các nghiên cứu về thực trạng SXNN thế giới đã cho thấy nền nông nghiệp truyền thống, chủ yếu dựa vào các mô hình nông trại gia đình hiện nay không còn phù hợp (UN, 2009, Yuan Zhou, 2010, Sassenrth, G. F và đồng sự, 2010). Henson, L.

(1999) đã chỉ ra rằng các hộ nông dân đang phải đối mặt với một trận chiến khốc liệt mang tính toàn cầu về vấn đề công nghệ sinh học và sự cạnh tranh của các doanh nghiệp nông nghiệp. Morning View (2000) cũng đề xuất tái cấu trúc nền nông nghiệp bởi mô hình nông trại nhỏ lẻ ngày càng tỏ ra không hiệu quả. Nguyên nhân được chỉ ra bao gồm: (1) nguồn lực sản xuất hạn chế, (2) điều kiện áp dụng các KHKT tiên tiến trong sản xuất cũng hạn chế, (3) năng lực tiếp cận thị trường thấp hơn rất nhiều so với các mô hình trang trại, doanh nghiệp sản xuất lớn (4) năng lực bảo vệ môi trường từ các ngoại ứng tiêu cực do sản xuất nông nghiệp gây ra cũng chưa tốt. Ở Việt Nam, Đỗ Mai Thành (2012) đã chỉ rõ, thách thức lớn nhất của ngành nông nghiệp hiện nay là khả năng cạnh tranh, năng suất, chất lượng của sản phẩm còn thấp. Sở dĩ như vậy do sản xuất nông nghiệp của Việt Nam vẫn chủ yếu là nhỏ lẻ, manh mún, việc ứng dụng khoa học công nghệ, cũng như phát triển công nghiệp chế biến nông sản gặp nhiều khó khăn. Lê Thị Xuân (2012) cũng cho rằng Việt Nam chưa sản xuất được sản phẩm nông nghiệp chuẩn mực vì chưa có nền sản xuất lớn, tập trung, chưa có các quy trình kỹ thuật chuẩn, chưa kết nối được sản xuất và tiêu thụ. Do vậy, cần thiết phải có sự đổi mới theo hướng hiệu quả và bền vững hơn.

Các chuyên gia cho rằng sự đổi mới chỉ có thể được thực hiện qua con đường hiện đại hóa nền sản xuất nông nghiệp để tiến tới một nền nông nghiệp hàng hóa lớn (Crosson, P.R., 1992, Viện Khoa học Kỹ thuật Nông nghiệp Việt Nam, 2004, UN, 2009, Yuan Zhou, 2010, Sassenrth, G. F và cộng sự, 2010). Đây là hướng phát triển tất yếu cho sản xuất nông nghiệp do những lợi ích mà nó đem lại như: tính hiệu quả theo quy mô, nâng cao doanh thu, cải thiện quá trình lưu thông hàng hóa, góp phần làm giảm nhập khẩu, tạo ra lợi thế trên thị trường, áp dụng các tiến bộ kỹ thuật một cách đồng bộ, giảm chi phí sản xuất, nâng cao năng suất bình quân, chất lượng sản phẩm, tăng thu nhập và lợi nhuận, góp phần cải thiện môi trường, xóa đói giảm nghèo... Ở Việt Nam, Nghị quyết 26-NQ/TW ngày 5-8-2008 của Ban Chấp hành Trung ương (khóa X) về nông nghiệp, nông thôn, nông dân đã nhấn mạnh tầm quan trọng của nông nghiệp thông qua chủ trương: “Xây dựng nền nông nghiệp phát triển toàn diện theo hướng hiện đại, bền vững, *sản xuất hàng hóa lớn*...”. Như vậy, sản xuất nông nghiệp quy mô lớn hay SXNNTT là đòi hỏi tất yếu để tiến lên sản xuất

hàng hóa lớn (Nguyễn Xuân Thảo, 2004).

3.1.2. Khái niệm và nội dung của sản xuất nông nghiệp tập trung

Chủ trương SXNNTT tuy là mới đối với các nước đang phát triển nhưng đã được nhiều quốc gia phát triển thực hiện nhiều năm qua (Nathan Wittmaack, 2006). Lịch sử đã ghi nhận quá trình hiện đại hoá nền nông nghiệp thế giới trong thế kỷ XX đã diễn ra với ba đặc trưng cơ bản: (1) *hiện đại hoá công cụ sản xuất nông nghiệp*; (2) *hiện đại hoá kỹ thuật sản xuất*; và (3) *hiện đại hoá phương thức sản xuất*, có nghĩa là chuyển nông nghiệp từ phương thức sản xuất cá thể, tự cung tự cấp sang phương thức sản xuất xã hội với quy mô lớn và có tính chuyên môn hoá cao (Đặng Kim Sơn, 2008). Dưới đây là một số quan điểm nổi bật về SXNNTT đã được các nhà nghiên cứu đưa ra.

Quan điểm thứ nhất, hầu hết các nhà nghiên cứu đều cho rằng nội dung của quá trình SXNNTT là gắn với hoạt động tập trung các nguồn lực, trong đó điều kiện tiên quyết là phải làm tốt khâu tích tụ ruộng đất (Mahmoud M. Badr và Nadia H. Eiseikh, 2006, Cardín, M.; Álvarez, C.J., 2008, Du Yuneng, Sun Bo 2011).

Quan điểm thứ hai, Sophia Murphy (2006) và Alicia (2010) nghiên cứu trên góc độ kinh doanh nông nghiệp lại cho rằng sự tập trung hóa trong sản xuất là sự gia tăng sức mạnh thị trường vào tay một số ít các doanh nghiệp, tập đoàn trong chuỗi ngành hàng trong hệ thống sản xuất lương thực, thực phẩm của mỗi quốc gia.

Quan điểm thứ ba, Keith Collins (2001) lại cho rằng sự thống nhất và tập trung trong sản xuất là kết quả của xu hướng tái cơ cấu ngành nông nghiệp từ thị trường yếu tố đầu vào sản xuất, quá trình sản xuất, vận tải, chế biến, bán buôn và bán lẻ. Hay đó là tổng hòa của các hoạt động: mở rộng, sáp nhập, cạnh tranh, liên kết, thoái lui trên thị trường.

Như vậy, đối với mỗi góc độ nghiên cứu khác nhau lại có một quan điểm, cách nhìn khác nhau về sản xuất nông nghiệp tập trung.

3.1.3. Điều kiện để phát triển sản xuất nông nghiệp tập trung

Cardín, M., Álvarez, C.J., (2008) cho rằng muốn áp dụng mô hình SXNNTT cần phải có kế hoạch sử dụng đất nông nghiệp hợp lý và khai thác bền vững đất đai ở nông thôn tiến tới sản xuất chuyên môn hóa nhằm nâng cao sức sản xuất, giá trị sử dụng đất

đai. Nghiên cứu của Viện Khoa học Kỹ thuật Nông nghiệp Việt Nam (2004), Marsh S.P., T.G. MauAulay và Phạm Văn Hùng (2007), Đặng Kim Sơn (2008), Hoàng Xuân Nghĩa (2009), Đinh Thu Nga (2011), Nguyễn Mậu Dũng (2011) đều cho rằng trong quy hoạch và phát triển nông nghiệp cần phát triển sản xuất trên quy mô lớn tận dụng những lợi thế về quy mô, và để phát triển nền nông nghiệp hàng hóa thì cần thiết phải thực hiện chính sách dồn điền đổi thửa tập trung đất đai, chuyển đổi cơ cấu sản xuất theo quy hoạch và theo lợi thế so sánh của từng vùng sinh thái vùng sản xuất hàng hóa tập trung, giải quyết lao động dư thừa.

Thêm vào đó, James Mintert (1998), Vorley, B. (2003) và Sophia Murphy (2006) lại đề cao vai trò của các chính sách công nhằm: (1) tổ chức các hoạt động liên quan đến quá trình tập trung hóa; (2) điều tiết trực tiếp thông qua các quy định về ô nhiễm, điều tiết sức mạnh thị trường và (3) đẩy mạnh quá trình chuyển đổi phương thức sản xuất thông qua các chương trình giáo dục và đào tạo nhằm hướng tới nâng cao tính cạnh tranh cũng như làm giảm tính mất cân đối vị thế của các tác nhân trên thị trường.

Ở Việt Nam, tác giả Phú Hương (2012) cho rằng, để thực hiện thành công mô hình sản xuất nông nghiệp tập trung cần phải có những điều kiện cơ bản như: (i) có hợp đồng ký kết mua bán sản phẩm giữa người sản xuất, chế biến và nhà tiêu thụ; (ii) có sự tham gia của doanh nghiệp trong đảm bảo khâu đầu ra cho sản phẩm; (iii) sự tham gia của các tổ chức chuyển giao KHKT hoặc hệ thống khuyến nông; (iv) hệ thống cơ chế, chính sách hợp lý.

3.1.4. Mức độ tập trung trong sản xuất nông nghiệp

Cách thức đo lường mức độ tập trung cũng hoàn toàn phụ thuộc vào mục tiêu nghiên cứu. Hầu hết các nghiên cứu về mức độ tập trung theo ngành hàng chỉ dừng lại ở việc thống kê số lượng các đơn vị tham gia sản xuất ngành hàng đó (Welsh, 2009). Ví dụ, ở Mỹ năm 1920 có 6,5 triệu nông hộ và 30,1% dân số nước này sinh sống ở các nông hộ đó. Tuy nhiên, đến năm 1992, số nông hộ giảm xuống còn 2 triệu, và chỉ có khoảng 2% dân số sống ở các nông hộ này (Allen and Lueck, 1988 trích dẫn bởi Nathan Wittmaack, 2006).

Bên cạnh đó, cách thức đo lường mức độ tập trung thông qua *chỉ số tập trung (Concentration Ratio - CR)* – đo lường thị phần của 1 vài doanh

nh nghiệp lớn trên thị trường (thường là 3, 4, hoặc 5 doanh nghiệp lớn nhất) và *chỉ số Herfindahl-Hirschman (HH)* – tính tổng bình phương thị phần của các doanh nghiệp trên thị trường cũng được vận dụng khá phổ biến (Sophia Murphy, 2006).

Ngoài ra, Bruce B. Johnson (2004) lại quan tâm tới mức độ tập trung trong các đơn vị sản xuất lớn, và xu hướng của quá trình này theo thời gian. Nghiên cứu của Bruce đã sử dụng mô hình đường cong Lorenz và chỉ số Gini để đo lường, phân tích quy mô doanh số để phân tích mức độ tập trung của các trang trại lớn và chỉ ra rằng theo thời gian mức độ tập trung được đo lường luôn gia tăng.

Oleksandr Zhemojda, Nataliia Gerasymenko, (2009) lại đề cập đến vấn đề tập trung theo địa lý trong sản xuất nông nghiệp, tập trung sản xuất của từng ngành hàng.

Don E. Albrecht (1998) và Ali, Mir; Lucier, Gary. (2011) đã chỉ ra mức độ tập trung ở các ngành hàng là khác nhau; việc tập trung hóa sản xuất một ngành hàng không đồng nghĩa với việc các ngành hàng khác cũng có mức độ sản xuất tập trung tương tự; các yếu tố tác động đến sự tập trung trong sản xuất của các ngành hàng khác nhau cũng khác nhau.

3.2. Thành tựu và hạn chế của quá trình sản xuất nông nghiệp tập trung

3.2.1. Thế giới

a. Thành tựu

Kết quả nghiên cứu của các nhà khoa học trên thế giới đã làm nổi bật lên một vấn đề: SXNNTT là một xu thế tất yếu bởi những thành tựu mà nó đem lại.

Ali và các cộng sự (2011) qua nghiên cứu sự tập trung hóa sản xuất nông nghiệp của Mỹ với điển hình là sự tập trung trong sản xuất rau ở các trang trại quy mô lớn đã chỉ ra doanh số của trang trại lớn này chiếm 8% trong tổng sản lượng rau và dưa ở Mỹ giai đoạn 2005 -2007; góp phần nâng cao doanh thu từ mặt hàng rau và dưa lên 50%.

Tập trung trong sản xuất và marketing nông nghiệp còn góp phần nâng cao thu nhập của người lao động, nâng cao lợi nhuận cho người sản xuất và người tiêu dùng được mua sản phẩm nông nghiệp giá rẻ hơn với chất lượng cao hơn (Vorley, Bill, 2003, US Fed News service, 2008).

James Mintert (1998) cho rằng SXNNTT đem lại rất nhiều lợi ích cho xã hội do đã làm tốt hai vấn đề: tăng cường sức mạnh thị trường đồng thời tận dụng

được lợi thế hiệu quả theo quy mô.

Marion N. (2008) cho rằng sự tập trung trong sản xuất nông nghiệp không ảnh hưởng đến mức giá và do đó, đây là một chính sách phục vụ tốt hơn cho người tiêu dùng. Ali và các cộng sự (2011) đã chỉ ra rằng sự tập trung của ngành hàng rau, quả của Mỹ đã làm tăng khả năng cạnh tranh về giá so với giá rau của các nước khác, góp phần làm giảm nhập khẩu, giúp cho mức giá trung bình của mặt hàng rau quả ở mức có thể chấp nhận được với người tiêu dùng, đồng thời bảo hộ được ngành sản xuất trong nước.

Emmanuelle Chevassus-Lozza và Karine Daniel (2006) đã chỉ ra rằng một ngành hàng nào đó của một vùng càng mở cửa đón nhận cạnh tranh thì các hoạt động liên quan đến sản xuất, kinh doanh ngành hàng đó càng trở nên tập trung (công nghiệp phụ trợ, công nghiệp chế biến, vùng nguyên liệu,...). Hơn thế nữa, theo Oleksandr Zhemoyda, Nataliia Gerasymenko (2009) lợi thế trên thị trường lương thực, thực phẩm của các quốc gia Châu Âu có được là nhờ sự chuyên môn hóa khi thực hiện SXNNTT.

b. Hạn chế

Trong quá trình nghiên cứu, các nhà kinh tế đã và đang nảy sinh rất nhiều tranh cãi xung quanh những hệ quả mà quá trình tập trung hóa nền sản xuất nông nghiệp mang lại trong đó nổi cộm lên là những lo ngại về vấn đề sức mạnh thị trường và sự bất cân đối trong việc phân phối thu nhập giữa các tác nhân trong chuỗi ngành hàng.

Keith Collins (2001) và Ian Proudfoot (2012) đã chỉ ra những vấn đề kinh tế nảy sinh trong quá trình tái cơ cấu theo hướng tập trung hóa ngành sản xuất lương thực thực phẩm của Mỹ: vấn đề sức mạnh thị trường, giảm động lực sản xuất, phát triển; ảnh hưởng đến khả năng tiếp cận thị trường của các nhà sản xuất cũng như nông dân trong việc tìm kiếm thị trường cho sản phẩm của họ; tính minh bạch trên thị trường.

Rất nhiều nghiên cứu đã chỉ ra rằng hệ quả của SXNNTT là sự độc quyền bán trên thị trường, và giá cả hàng hóa bị đẩy lên cao sẽ được giải quyết khi có sự tham gia, điều tiết, giám sát của các Chính phủ (James Mintert, 1998, Vorley, B., 2003, Sophia Murphy, 2006), USDA, 2006 và Welsh, R., 2009). US Fed News Service (2008) tỏ ra lo ngại về việc thâm sát nhập của tập đoàn JBS chuyên sản xuất, kinh doanh thịt bò trong việc làm giảm năng lực cạnh tranh của các nhà sản xuất nhỏ lẻ, cũng như

làm giảm sự lựa chọn của người tiêu dùng, nhưng lại đẩy giá lên cao.

Sophia Murphy (2006) và SRAP (2009) đã mạnh mẽ chỉ ra rằng việc quản lý ngành sản xuất lương thực, thực phẩm đang ngày càng tập trung vào tay của một số tập đoàn lớn, đa quốc gia và có liên hệ chặt chẽ với giới chính trị. Các tập đoàn này nắm trong tay toàn bộ sức mạnh thị trường, do đó dễ dàng có thể loại bỏ các nông trại gia đình ra khỏi thị trường. Song hành với đó, các tập đoàn này cũng sử dụng sức mạnh chính trị của nó để ngăn chặn các sáng kiến cũng như các biện pháp bảo vệ sức khỏe con người cũng như môi trường do những ngoại ứng tiêu cực gây ra bởi các trang trại của họ.

Bên cạnh đó, sự gia tăng mức độ tập trung trong ngành sản xuất, chế biến và tiêu thụ lương thực thực phẩm ngày càng nảy sinh nhiều vấn đề bất hợp lý về mặt phân phối giá trị giữa các nhóm tác nhân trong ngành hàng (Lobao 1990; Lobao and Meyer 2001; Lyson et al. 2001; Lyson and Welsh 2005 trích dẫn bởi Welsh, R. 2009). Nghiên cứu của Vorley, B. (2003) và Howard, P.H (2009) cũng chỉ ra có sự bất hợp lý trong việc phân chia giá trị trong chuỗi các chuỗi ngành hàng, người sản xuất, công nhân tham gia sản xuất nông nghiệp là người làm ra nhiều sản phẩm, giá trị nhất nhưng thu nhập lại thấp nhất so với các tác nhân khác trong chuỗi điển hình là tác nhân bán lẻ. Đặc biệt, Welsh, R. (2009) cho rằng phúc lợi của cộng đồng nông thôn có mối quan hệ tỷ lệ nghịch với quy mô trang trại xung quanh họ.

Đặc biệt, đa số các nhà nghiên cứu đều cho rằng sản xuất nông tập trung là cần thiết, tuy nhiên, việc sản xuất nhỏ lẻ cũng không phải không hiệu quả (C. Edward Harshbarger and Sheldon W. Srahl, 1975, Boyd, Bruce, 2008). Bởi lẽ, đối với các nông trại hoạt động trên một diện tích đất đai rộng lớn không có nghĩa là sẽ sử dụng nhiều lao động. Thêm vào đó, các nông trại lớn sử dụng các phương thức canh tác có khả năng gây tổn thất cho môi trường, trong khi các nông trại nhỏ lại có cách thức canh tác thâm canh hợp lý, dẫn tới nâng cao được hiệu quả sử dụng của đất nông nghiệp và vẫn đảm bảo bảo vệ được chất đất. Và quan trọng hơn cả, mặc dù các nông trại lớn tạo ra tổng sản lượng bình quân một mùa vụ cao hơn nhưng về tổng sản lượng bình quân trên một thửa đất thì các nông trại nhỏ lại hoạt động tốt hơn.

3.2.2. Việt Nam

a. Thành tựu

Thực tiễn Việt Nam những năm gần đây cho thấy các trang trại quy mô trung bình và các cơ sở sản xuất quy mô lớn đã được phát triển, đáp ứng một phần nhu cầu ngày càng tăng của xã hội. Một số điển hình như:

Mô hình sản xuất lúa hàng hóa tập trung ở xã Nguyên Xá (huyện Vũ Thư – Thái Bình) (Nguyễn Bình, 2010), “cánh đồng mẫu lớn” ở An Giang (Hong Nhung, 2011), vùng sản xuất tập trung ở Sóc Sơn (Hà Nội) (HĐND TP Hà Nội, 2012) đều đã đem lại hiệu quả là các tiến bộ kỹ thuật được áp dụng một cách đồng bộ, thuận lợi cho việc đưa cơ giới hóa vào sản xuất, nâng cao năng suất lao động, tăng sức cạnh tranh của hàng nông sản, góp phần thúc đẩy xây dựng nông thôn mới theo hướng CNH, HĐH nông nghiệp, nông thôn, cải thiện môi trường.

Mô hình chăn nuôi lợn tập trung ở xã Tân Ước (huyện Thanh Oai - Hà Nội) và ở một số địa phương của Hà Nam, đã cho thấy hiệu quả là đảm bảo kiểm soát tốt dịch bệnh, nâng cao chất lượng sản phẩm, góp phần đẩy mạnh chăn nuôi theo hướng hàng hóa bền vững, nâng cao thu nhập cho người chăn nuôi và góp phần bảo vệ môi trường (Lê Thanh Hải, 2008, Báo Hà Nam, 2012).

Các liên minh sản xuất giống ngô, lúa, lạc chất lượng cao, liên minh sản xuất và tiêu thụ cam, dâu tơ tằm... ở Nghệ An đã cơ bản đáp ứng những tiêu chí do Bộ NN & PTNT đưa ra về xây dựng cánh đồng mẫu lớn. Qua 3 năm thực hiện, doanh nghiệp có cơ hội mở rộng kinh doanh, kịp thời nắm bắt cơ hội thị trường, tạo hiệu quả kinh tế; nông dân được doanh nghiệp hỗ trợ kỹ thuật và ổn định đầu ra, có thể chủ động thực hiện các biện pháp giảm thiểu rủi ro phát sinh trong quá trình sản xuất và tiêu thụ sản phẩm, đồng thời có kế hoạch ứng phó với các nguy cơ tiềm ẩn (Phú Hương, 2012).

b. Hạn chế

Bên cạnh một số thành tựu đạt được thì mô hình sản xuất nông nghiệp tập trung cũng gặp không ít khó khăn, tồn tại trong quá trình triển khai.

Nguyễn Xuân Trạch (2012) trích dẫn kết quả nghiên cứu của các tác giả cho rằng việc xây dựng các cơ sở sản xuất hiện đại quy mô lớn sẽ làm cho những người sản xuất nhỏ không thể cạnh tranh được trong việc mua nguyên liệu cũng như bán sản phẩm ra thị trường và họ cũng không có đủ kỹ năng để tham gia quản lý các mô hình sản xuất phức tạp.

Theo tác giả Hồng Phước (2013) thì qua thực tế triển khai mô hình “cánh đồng mẫu lớn” ở một số địa phương vùng Đồng bằng sông Cửu Long phát sinh các vấn đề như: thiếu sự tham gia của doanh nghiệp, đất đai còn quá manh mún, nhỏ lẻ và sợi dây liên kết 4 nhà còn quá lỏng lẻo do chưa đảm bảo hài hòa lợi ích các bên, đặc biệt là với nông dân. Bên cạnh đó, trình độ nông dân không đồng đều và còn bị chi phối bởi tư tưởng canh tác truyền thống nên khó tiếp thu khoa học công nghệ.

Ở một khía cạnh khác, để sản xuất nông nghiệp tập trung diễn ra có hiệu quả, cần một khoảng thời gian dài để các yếu tố, các điều kiện của quá trình này chuyển đổi và hội tụ đầy đủ, từ các yếu tố nguồn lực đến sự thích ứng của người nông dân, đặc biệt là ở những quốc gia đang phát triển như Việt Nam. Do vậy, theo Đặng Kim Sơn (2008), sản xuất nông nghiệp tập trung không phải là “cây đũa thần” có thể thay thế được mọi thứ, trong khi đó sản xuất nông nghiệp với quy mô nhỏ lẻ dần vươn tới sản xuất hàng hóa vẫn tỏ ra phù hợp với điều kiện của các hộ này, chủ yếu là ở các vùng sâu, vùng xa với những đặc thù rất riêng về tự nhiên, kinh tế, xã hội.

3.3 Một số vấn đề rút ra từ lý luận và thực tiễn về sản xuất nông nghiệp tập trung

3.3.1. Đặc điểm của sản xuất nông nghiệp tập trung

- Sản xuất nông nghiệp tập trung là quá trình tổng hợp của nhiều chu trình sản xuất khác nhau bắt đầu từ khâu tích tụ các nguồn lực, chuẩn bị đầu vào cho sản xuất, sản xuất hàng hóa lớn và đến khâu phân phối sản phẩm ra thị trường.

- Sản xuất nông nghiệp tập trung sẽ góp phần làm tăng cường sức mạnh thị trường đồng thời tận dụng được lợi thế hiệu quả theo quy mô.

- Sản xuất nông nghiệp tập trung sẽ đảm bảo tăng sản lượng nhằm đáp ứng đủ nhu cầu ngày càng tăng về các sản phẩm nông nghiệp với mức giá phù hợp.

Tuy nhiên, sản xuất nông nghiệp tập trung nếu không được quản lý tốt sẽ dẫn tới các hệ quả là mức độ tập trung quá mức sức mạnh thị trường vào tay số ít doanh nghiệp và sự bất cân đối trong việc phân phối thu nhập, ảnh hưởng tới khả năng tiêu dùng.

3.3.2. Điều kiện để phát triển sản xuất nông nghiệp tập trung

Điều kiện cần để phát triển sản xuất nông nghiệp tập trung là việc tích tụ, tập trung các nguồn lực: đất

đại, lao động, vốn, khoa học công nghệ phục vụ sản xuất quy mô lớn, hiện đại.

Bên cạnh đó, yêu cầu thay đổi phương thức hoạt động được đặt ra cho cả các tác nhân là nhà cung cấp hàng hóa, dịch vụ đầu vào cho sản xuất nông nghiệp, và cả cho bản thân các chủ thể sản xuất nông nghiệp. Việc áp dụng các kiến thức, thông tin về khuyến nông, các hoạt động nghiên cứu nhằm nâng cao năng suất và giá trị gia tăng từ sử dụng đất nông nghiệp cũng cần được đầu tư đúng mức. Chuyên môn và sự chuyên nghiệp của các chủ trang trại, doanh nghiệp nông nghiệp cũng cần được nâng cao.

Ngoài ra, cần thiết phải nhấn mạnh vai trò của các chính sách công trong ba nội dung: tổ chức các hoạt động liên quan đến quá trình tập trung hóa; điều tiết trực tiếp thông qua các quy định về ô nhiễm, điều tiết sức mạnh thị trường; đẩy mạnh quá trình chuyển đổi phương thức sản xuất thông qua các chương trình giáo dục và đào tạo nhằm hướng tới nâng cao

tính cạnh tranh cũng như làm giảm tính mất cân đối vị thế của các tác nhân trên thị trường.

3.3.3. Lựa chọn ngành hàng để áp dụng mô hình sản xuất tập trung

Việc xem xét, chuẩn bị các điều kiện và lựa chọn các mô hình áp dụng sản xuất tập trung cần có sự nghiên cứu, tính toán cẩn trọng.

Với điều kiện ở Việt Nam như hiện nay, chăn nuôi được cho là ngành thích hợp hơn các ngành khác để phát triển tập trung, mục tiêu là chuyển từ chăn nuôi cơ bản sang chăn nuôi trang trại tập trung, công nghiệp, đảm bảo vệ sinh, an toàn thực phẩm, bảo vệ môi trường.

3.3.4. Kết hợp giữa SXNNTT và sản xuất nhỏ lẻ

Cần phải kết hợp hài hòa giữa các mô hình sản xuất kết hợp giữa mô hình sản xuất tập trung với sản xuất nhỏ lẻ nhằm đảm bảo khai thác tối ưu nguồn lực, đồng thời giải quyết tốt các mục tiêu kinh tế - xã hội- môi trường. □

Tài liệu tham khảo:

- Ali, Mir, Lucier, Gary. 2011. Vegetable Production Concentrated on Very Large Farms. Amber waves 9.2. Vol2.
- Cardín, M.; Álvarez, C.J., (2008). Model for Agricultural production planning
- Don E. Albrecht, 1998, *Agricultural concentration an analysis by commodity*, Southern Rural Sociology Vol. 14
- Du Yuneng, Sun Bo (2011), *The Development of Chinese Agricultural Land Transfer System: Transaction, Concentration and Commercialization*, Journal of Agricultural Science, Canada, , Vol 3, No 3, pp. 269 – 274,
- Đỗ Mai Thành, 2012, Vấn đề nông nghiệp, nông dân, nông thôn Việt Nam: Lý luận và thực tiễn, Tạp chí Cộng sản, cập nhật 7/5/2012
- Đặng Kim Sơn, 2008, Kinh nghiệm quốc tế về nông nghiệp, nông thôn, nông dân trong quá trình công nghiệp hoá.NXB Chính trị quốc gia.
- Đinh Thu Nga, 2006, “Sản xuất hàng hóa trong nông nghiệp - Những khó khăn và giải pháp”. Tạp chí Thông tin Khoa học và Công nghệ Nghệ An, Số 4/2006.
- HĐND TP Hà Nội, 2012.*Nghị quyết của HĐND Thành phố Hà Nội khóa XIV về “Quy hoạch phát triển tổng thể nông nghiệp trên địa bàn Hà Nội đến năm 2020, tầm nhìn đến năm 2030”.*
- James Mintert, 1998, *Agricultural Concentration*, Dept. of Agricultural Economics - Kansas State University.
- Keith Collins. 2001. U.S. Department of agriculture before the U.S Senate Committee on appropriations subcommittee on agriculture, rural development and related agencies, may 17, 2001.
- Lê Thanh Hải, 2008, “Phát triển chăn nuôi trang trại và một số giải pháp sản xuất lợn hàng hóa bền vững”, Tạp chí chăn nuôi số 07, trang 19 – 22.
- Mahmoud M. Badr and Nadia H. Eisheikh (2006), *Economic concentration of agricultural production and Marketing*, pp 88- 90
- Marion Nestle, 2008. Food Politics increasing concentration in agriculture: a problem?
- Marsh S.P., T.G. MauAulay và Phạm Văn Hùng, 2007, “Phát triển nông nghiệp và chính sách đất đai ở Việt Nam”, Trung tâm Nghiên cứu Nông nghiệp Quốc tế của Australia GPO Box 1571, Canberra, Australia 2601.

- Nathan Wittmaack, 2006. Should corporate farmings be limited in United State?: an economic perspective. Major themes in Economics. University of Northern Iowa College of Business Administration.
- Oleksandr V. Zhemoyda and Nataliia Gerasymenko, 2009, *Concentration of agriculture and competitive advantages of east-european countries*, Paper prepared for presentation at the 113 th EAAE Seminar “A resilient European food industry and food chain in a challenging world”.
- Phú Hương, 2012, Liên minh sản xuất hàng hóa – Tiền đề xây dựng cánh đồng mẫu lớn, Báo Nghệ An, cập nhật 2/5/2012.
- Sophia Murphy. 2006. *Concentrated market power and agricultural trade*, Agriculture Business and industry Water, Ecofair trade dialogue, Discussion Papers.
- UN. 2009. World Population Prospects: The 2008 Revision, United Nations, New York.
- US Fed News service, 2008. *Concentration in agriculture, an examination of JBS/Swif acquisitions*. In cluding US State News. Washington DC, 07 May 2008.
- Vorley, Bill. 2003. *Corporate Concentration from Farm to Consumer*. Food Group and the International Institute for Environment and Development, London, UK.
- Viện Khoa học Kỹ thuật Nông nghiệp Việt Nam, 2004, *Nghiên cứu thực tiễn và đề xuất chính sách khuyến khích dồn điền đổi thửa để nâng cao hiệu quả sử dụng đất ở Đồng Bằng sông Hồng*, Quỹ nghiên cứu ICARD-MISPA.
- Welsh, Rick. 2009. *Farm and market structure, industrial regulation and rural community welfare: conceptual and methodological issues*. Agriculture and Human Values 26. 1-2. March issue. pp 21-28.

Lessons from theoretical and practical studies on concentrated agriculture

Abstract:

The status of the global agriculture reveals that the traditional agriculture, mainly based on the family farm is no longer sufficient to meet the increasing demand for agricultural products. Large-scale agriculture or concentrated agriculture is inevitable to reach the advance commodity production. To different point of views, different perspectives on concentrated agriculture are focused. This paper will collect, synthesize and generalize the theoretical and practical issues on concentrated agriculture as follows: (1) the need of concentrated agriculture; (2) viewpoints on concentrated agriculture; (3) Achievements and limitations of concentrated agriculture in the world and in Vietnam; and (4) the lessons for future application of concentrated agriculture in Vietnam.

Thông tin tác giả:

***Nguyễn Thị Thu Quỳnh, Thạc sỹ**

- Đơn vị công tác: Bộ môn Kinh tế, Khoa Kinh tế & PTNT, Đại học Nông nghiệp Hà Nội

- Lĩnh vực nghiên cứu chính: Kinh tế nông nghiệp, nông thôn, kinh tế chính sách, kinh tế môi trường, kinh tế vĩ mô, kinh tế bảo hiểm

- Một số tạp chí đã từng đăng tải công trình nghiên cứu: Tạp chí Kinh tế và Phát triển, Tạp chí Kinh tế sinh thái.

Email: nttquynh@gmail.com

****Thái Thị Nhung**

- Đơn vị công tác: Bộ môn Kinh tế, Khoa Kinh tế & PTNT, Đại học Nông nghiệp Hà Nội

- Lĩnh vực nghiên cứu chính: Kinh tế nông nghiệp, nông thôn, kinh tế vĩ mô, kinh tế quốc tế, kinh tế Việt Nam

Một số tạp chí đã từng đăng tải công trình nghiên cứu: Tạp chí Kinh tế và Phát triển, Tạp chí Khoa học và Phát triển, Tạp chí Kinh tế sinh thái.

Email: thainhung86@gmail.com